

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
– THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung và tài sản chung ngày 12 tháng 3 năm 2021;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1976.

2. Ông Hồ Như D, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: phường BĐ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Hồ Như D và bà Vũ Thị H yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông D, bà H có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm h khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 94 quyền 01 ngày 13/7/1998 của Ủy ban nhân dân xã NH, huyện NS, tỉnh TH thì có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông D và bà H là hợp pháp.

Xét thấy ông D và bà H đã thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Hồ Như D và bà Vũ Thị H.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung tên là Hồ G, sinh năm 2000 (đã thành niên) và Hồ Như BD, sinh ngày 26/10/2018. Hai bên thỏa thuận giao con chung Hồ Như BD cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con đôi bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Ông D và bà H cùng khai không có.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Như D và bà Vũ Thị H thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 94 quyển 01 ngày 13/7/1998 của Ủy ban nhân dân xã NH, huyện NS, tỉnh TH hết hiệu lực kể từ ngày Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự).

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Hồ G, sinh năm 2000 (đã thành niên) và Hồ Như BD, sinh ngày 26/10/2018. Hai bên thỏa thuận giao con chung Hồ Như BD cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con đôi bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông D và bà H cùng khai không có.

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Vũ Thị H tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0028474 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã NH, huyện NS, tỉnh TH;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Tạ Nam Phương